

MAP OVERPRINT-LEGEND

FORTIFICATIONS

FOXHOLES, SPIDER HOLES
TRENCH SYSTEM
STRUCTURE, HUT, OR BUNKER
TUNNEL ENTRANCE, CAVES
STRONG POINT

TYPE WEAPONS EMPLACEMENTS

AUTOMATIC WEAPONS, MORTAR
ROCKET INF, RECOILLESS RIFLE
ROCKET LAUNCHER, ARTILLERY
AIR DEFENSE MACHINE GUN AA/AW

LINE OF COMMUNICATIONS

ROAD
TRAILS, FOOT, CART
BRIDGE, VEHICLE, FOOT, BYPASS IN
KILOMETER STONE
HELICOPTER LZ (UH-1D CAPACITY)
AIRFIELD (TYPE/AIRCRAFT)

OBSTACLES

BRIDGE DESTROYED
ROAD: CUT, BLOCK
BOOBY TRAP, PUNJII OR SIMILAR
ENEMY OR ABANDONED MINEFIELDS

MISCELLANEOUS

DEFOLIATED AREA
DEMOLISHED AREA
UNCONFIRMED, UNOCCUPIED
WAY STATION
OTHER- STANDARD MAP SYMBOLS

지도 마중 인쇄 — 범에

요 새

호, 개인호
교량
건축물, 가벽사 또는 방가
강도 입구, 동굴
강점

각종 무기 전지

자동 무기, 박격포
보통 휴대용 로켓, 무반동
로켓포
고사 기관총 대공 자동 무기

병 참 선

도로
소로: 보행로, 우마차로
교량: 차량용, 보행용, 우마차용
거리 표시
헬리콥터 착륙지대 (UH-1D 착륙가능)
비행장 (비행장 형태/착륙가능 항공기)

방 해 물

파괴된 교량
도로: 차단도로, 차단
반복적, 즉각 장애물, 가
적지관 지대 및 불태운 사지 지대

기 라

고엽 지역
파괴된 지역
미확인, 미정류
중간 연락소
기타 지도 표준기호

BÍ-CHÚ BẢN ĐỒ

PHÒNG THỦ

HỒ CÁ NHÂN, HỒ PHỤC VỤ
CHIẾN HẢO
CỔ SỎ, NHÀ TRẦN, PHÁO DÀI
CỬA VÀO ĐƯỜNG HẦM, HANG
YẾU ĐIỂM

VỊ TRÍ CÁC LOẠI VŨ KHÍ

SÚNG LIÊN THANH, CỎI (SÚNG)
ĐIÀ PHÁO DÀI BẮC KHÔNG GIẬT
PHÓNG HOA TIỀN PHÁO
SÚNG PHÒNG KHÔNG

ĐƯỜNG GIẤY LIÊN LẠC

ĐƯỜNG
ĐƯỜNG MÔN, ĐƯỜNG MÔN NHỎ ĐỂ ĐI BÒ, ĐƯỜNG CÓ THỂ ĐI BẰNG XE HỒ
CÁI, XE, ĐƯỜNG VÒNG TẮT
TRƯ CHỈ CAY SỎ
BÀI ĐÁP TRÚC THĂNG
PHI TRƯỜNG (LOẠI PHI CỎ)

CHƯỚNG NGẠI VẬT

CẦU BỊ PHÁ HỦY
ĐƯỜNG, CẮT ĐỨT GIẢN ĐOẠN
BẦY CHỒNG
NHỮNG BÀI MĨN BỎ HOANG CỦA ĐỊCH

LINH-TÍNH

KHU VỰC BỊ KHAI QUANG BẰNG HÓA CHẤT (NGÀY KHAI QUANG)
KHU BỊ PHÁ HỦY
KHÔNG XÁC ĐỊNH KHÔNG CHIÊM CỬ
TRẦN GIAO LIÊN
TIÊU CHUẨN KHÁC VỀ DẤU TIÊU TRÊN BẢN ĐỒ

